

Bản án số: 01 /2025/DS-ST.

Ngày: 13 - 02 - 2025.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Hương Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- *Thư ký phiên toà:* Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 28/2024/TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2025/QĐST – DS ngày 17/01/2025 đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị D – sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Tại phiên toà có mặt nguyên đơn, bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị D trình bày:

Ngày 22/9/2024, bà D có cho bà Nguyễn Thị L vay 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thoả thuận là 1.500 đồng/01 triệu/01 ngày, thời hạn vay đến ngày 30/9/2024 bà L sẽ trả cho bà D đầy đủ cả tiền gốc và tiền lãi. Quá hạn trả nợ, bà D đã yêu cầu bà L trả nợ nhiều lần nhưng bà L đều khất lần cố tình không trả nợ cho bà D. Vì vậy, bà D đã làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải

quyết buộc bà L phải trả nợ cho bà D. Khi Toà án thụ lý, giải quyết đến ngày 14/10/2024, bà L đã trả cho bà D số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ngày 05/12/2024, bà L tiếp tục trả cho bà D số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Nay, bà D yêu cầu Toà án buộc bà L phải trả cho bà D số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật theo mức lãi suất là 20%/năm, trừ đi số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) mà bà L đã trả.

Tại bản tự khai ngày 05/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Năm 2021, bà L có vay bà D số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng), bà đã trả lãi hàng tháng đến hết tháng 6/2023 và trả 10.000.000 đồng tiền lãi cho tháng 7/2023. Sau đó vì khó khăn nên bà đã không trả được nợ cho bà D. Đến ngày 22/9/2024, bà L đã viết giấy chốt nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 22/9/2024 với bà D là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng). Ngày 14/10/2024, bà L đã trả cho bà D số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ngày 05/12/2024, bà L tiếp tục trả cho bà D số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Tổng số tiền bà L đã trả cho bà D là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Nay bà D buộc bà L phải trả số tiền nợ đã vay nhưng gia đình bà L hiện nay rất khó khăn nên bà L xin được trả dần cả gốc và lãi cho bà D trên số tiền còn nợ lại.

Tại phiên tòa, bà Mai Thị D đồng ý trừ số tiền mà bà L đã trả là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) vào tiền nợ gốc, yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền gốc đã vay và số tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất là 20%/năm trên số tiền nợ gốc còn lại còn lại theo từng mốc mà bà L đã trả. Bà Nguyễn Thị L đề nghị bà D phải tách số tiền nợ gốc đã vay thực tế là 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh thành hai khoản, bà sẽ có trách nhiệm trả tổng số tiền gốc và lãi cho bà D theo quy định, nhưng hiện nay gia đình bà rất khó khăn nên xin bà D được trả dần.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bà Nguyễn Thị L có vay của bà Mai Thị D số tiền là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng). Quá hạn trả nợ bà L vẫn không trả tiền nợ cho bà D nên bà D khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ đã vay và số tiền lãi phát sinh. Bà L hiện đang cư trú tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D và bà L không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào giấy vay tiền thể hiện: Ngày 22/9/2024, bà Nguyễn Thị L có vay của bà Mai Thị D số tiền là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng), lãi suất là 1.500 đồng/01 triệu/01 ngày, thời hạn vay đến ngày 30/9/2024. Bà L cho rằng đây là khoản vay nợ số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng) từ năm 2021, bà mới trả lãi đủ cho bà D đến hết tháng 6/2023, tháng 7/2023 gia đình bà gặp khó khăn nên bà mới trả lãi cho bà D được 10.000.000 đồng, sau đó không trả được nữa. Đến ngày 22/9/2024, bà và bà D đã chốt nợ với nhau, cộng cả tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 22/9/2024 bà L còn nợ bà D số tiền là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng). Bà D không công nhận đây là số tiền cộng dồn và giấy vay tiền ngày 22/9/2024 mà bà L viết là giấy chốt nợ. Bà L cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà L đã trả lãi cho bà D và đây là giấy chốt nợ của số tiền cộng dồn cả tiền gốc và tiền lãi cho khoản vay số tiền 570.000.000 đồng năm 2021. Bà L cũng công nhận trong khi viết giấy vay tiền đề ngày 22/9/2024, bà có đủ năng lực hành vi D sự, bà D không đe dọa, cưỡng ép bà phải viết giấy.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bà D và bà L thống nhất trong khoảng thời gian Toà án giải quyết bà L đã trả cho bà D được 02 lần, cụ thể: ngày 14/10/2024 đã trả số tiền là 20.000.000 đồng, ngày 05/12/2024, trả số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền bà L đã trả cho bà D là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), bà D đồng ý trừ số tiền bà L đã trả cho bà D vào số tiền nợ gốc đã vay. Như vậy, khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có lãi. Bà Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Do đó, bà Mai Thị D yêu cầu bà L phải trả cho bà D số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 980.000.000 đồng (chín trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Mai Thị D số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 980.000.000 đồng (chín trăm tám mươi triệu đồng) phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Mai Thị D và bà Nguyễn Thị L đều thống nhất lãi suất là 20%/tháng, tính từ ngày vay 22/9/2024 trên số tiền nợ gốc phù hợp với thời gian và số tiền mà bà L đã trả. Khoản vay này có sự thỏa thuận về lãi suất nên yêu cầu của bà D tạm tính lãi từ ngày 22/9/2024 đến ngày

xét xử (ngày 13/02/2025) với mức lãi suất 20%/năm là phù hợp với khoản 1 Điều 468 BLDS nên được chấp nhận.

Từ ngày 22/9/2024 đến ngày 14/10/2024 là 22 ngày: 1.100.000.000 đồng x 20%/năm x 23 ngày = 13.863.000 đồng.

Từ ngày 15/10/2024 đến ngày 05/12/2024 là 52 ngày: 1.080.000.000 đồng x 20%/năm x 52 ngày = 30.772.600 đồng.

Từ ngày 06/12/2024 đến ngày 13/02/2025 là 70 ngày: 980.000.000 đồng x 20%/năm x 70 ngày = 37.589.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bà L phải trả cho bà D là: 82.224.600 đồng (tám mươi hai triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

**Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi được chấp nhận là: 980.000.000 đồng + 82.224.600 đồng = 1.062.224.600 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng).**

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị D được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho bà Mai Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 220, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Mai Thị D số tiền nợ gốc còn lại là 980.000.000 đồng (chín trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 82.224.600 đồng (tám mươi hai triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi phải trả là: **1.062.224.600 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng).**

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và

thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 14/02/2025, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp 43.866.700 đồng (bốn mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Mai Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0006152 ngày 03/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn bà Mai Thị D, bị đơn bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hương Giang**